TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 132/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1986, số CCCD 019186005155

Nơi thường trú: Xóm K, xã Y, tỉnh Thái Nguyên, nơi tạm trú: Tổ dân phố G, phường T, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Ma Sĩ T, sinh năm 1986, số CCCD 019086010705

Nơi thường trú: Xóm K, xã Y, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở: xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Quốc H – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Trọng K – Phó Giám đốc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị L và anh Ma Sĩ T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Ma Sĩ T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ma Văn T1, sinh ngày 10/10/2005 và Ma Văn T2, sinh ngày 08/5/2008 đến nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) đủ sức khỏe để lao động và học tập không yêu cầu Toà án giải quyết

2.3 Về tài sản chung: Chị L và anh T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4 Về công nợ chung: chị L, anh T và Ngân hàng C thống nhất thỏa thuận:

2.4.1 Tính đến ngày 13/5/2026, chị Hoàng Thị L và anh Ma Sĩ T còn nợ Ngân hàng C số tiền gốc 80.000.000 đồng (T3 mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 13/5/2026 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 17/12/2022 phê duyệt của Ngân hàng ngày 12/01/2023 theo món vay mã 6600000724758770 tại Phòng G (nay là Ngân hàng C)

2.4.2. Chị Hoàng Thị L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay tại Phòng G với tổng số nợ gốc còn lại 80.000.000 đồng (T3 mươi triệu đồng) theo đúng nội dung đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 17/12/2022 phê duyệt của Ngân hàng ngày 12/01/2023 theo món vay mã 6600000724758770 tại Phòng G (nay là Ngân hàng C) về số tiền nợ gốc, nợ lãi và thời hạn trả nợ.

2.4.3 Trường hợp đến ngày 15/4/2027 chị Hoàng Thị L không trả được khoản nợ gốc, lãi cho Phòng G thì phía Ngân hàng C có quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định của Tòa án

2.5 Về án phí:

2.5.1 Chị Hoàng Thị L tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 2.150.000 đồng (trong đó án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng) nộp vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001744 ngày 23/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả chị Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

2.5.2 Anh Ma Sĩ T và Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự

***Nơi nhận*:**
- Các Đương sự;
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
-Phòng THADS khu vực 4- Thái Nguyên;
-VKSND khu vực 4- TN;
-UBND xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên (ĐKKH số 21, quyển số 01/2005 do UBND xã Yên Trạch, tỉnh TN cấp ngày 20/6/2025);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bích Hiền